

## はじめに

日本語の初級段階の学習は、一般的に「話す」ことに主眼がおかれます。「読み」「書き」については、習った表現や文型を記述したり、音読したりすることだけに終始しがちです。ある程度の基本的な初級文型や表現を習得した学習者に、未だ初級半ばの日本語力であっても、学習者がすでに持っている知識や想像力をも総動員させてチャレンジできる教材を提供することは、日本語教師にとって長年の課題であるとともに、挑戦です。

本書は、日本の文化、事情、社会現象などを扱っていますが、学習者の視野を広げ、関心や興味を豊かなものにするを第一義としています。したがって、日本に対する知識理解の教材ではありません。食、芸術、文学、環境問題、先端科学技術、平和と戦争、命など普遍的であり、グローバルな視点が盛り込まれています。

練習のための練習ではない、知的レベルや興味、探究心などに見合った内容、つまり母語話者が読んでも面白いと思える内容が、学習中の言語で「読めた」、「わかった」という成功体験、喜びの体験を積み重ねて、中級へと学習を継続していってもらいたいと考えています。その願いを実現するために、『Reading Road—多様な日本を読む』を刊行いたします。

2019年春 著者一同

### Introduction

Japanese lessons for beginners tend to mainly focus on “speaking.” For “writing” and “reading,” students are typically only asked to write down phrases and sentences or read texts out loud.

We have created a textbook that allows beginner’s-level students to utilize their newly acquired language skills for expanding their knowledge and challenging their mind.

This textbook provides information on the Japanese culture, society, and history in order to expose students to a wide range of issues related to Japan and help expand their interests. The book is not a primer on Japan, but it does cover topics of universal and global interest, including food, arts, literature, the environment, science and technology, war and peace, and life.

Instead of practicing for practice’s sake, students will use their language skills to read contents that will pique their intellectual curiosity and feed their desire for knowledge. They will find articles they would enjoy reading in their own native languages. The objective of this textbook is to deliver lessons that reward the students with a sense of accomplishment and enjoyment from finishing each article and learning something new and to help them move onto the intermediate-level Japanese.

These are the goal of “Reading Road - Reading Japan from Many Angles.”

### 序言

初級日本語の学習一般注重読の能力。読と写経常只是不停重复读写学习到的表现和句型。给学习初级的基本句型和表现到一定程度的学习者制作一份日语教材，让那些连初级水平一半都不到的学习者，也能总体运用既有的知识和想象力来挑战阅读，是作为日语教师长年的课题，同时也是一项挑战。

本书提及日本文化、实情、社会现象等，最主要的目的是拓展学习者的视野并增加能让学习者感兴趣的项目。因此，此教材并非用来理解与日本有关的知识，而是具备普遍性和全球性观点，如饮食、艺术、文学、环境问题、先端科技、和平与战争、生命等的读物。

此教材的目的不是要学习者为练习而练习，而是希望借着知性的、令人感到津津有味并能激发好奇心等的内容，母语话者读起来也觉得有意思的内容，让学习者用学习中的语言阅读并理解，累积成功和喜悦的体验，之后有意愿继续进阶到中级课程。『Reading Road—阅尽日本的不同面貌』的出版就是为了实现这个愿望。

### Lời nói đầu

Học viên tiếng Nhật trình độ sơ cấp thông thường được tập trung phát triển kỹ năng “nói”. Về kỹ năng “đọc”, “viết” thường có xu hướng chỉ dừng lại ở mức đọc cơ bản và viết những mẫu câu, mẫu ngữ pháp đơn giản. Việc cung cấp giáo trình phát huy được kiến thức đã học của học viên ở mức độ sơ cấp có trình độ ngữ pháp nhất định hoặc tiền sơ cấp là một vấn đề làm cho giáo viên tiếng Nhật luôn phải trăn trở và là một thử thách.

Giáo trình này viết về những vấn đề xã hội, thời sự, văn hoá Nhật Bản, việc mở rộng tầm nhìn và làm gia tăng mối quan tâm hứng thú là ý nghĩa đầu tiên. Do đó, đây không phải là giáo trình để lý giải những kiến thức về văn hoá Nhật Bản. Giáo trình viết về nhiều vấn đề, từ vấn đề đời thường như ăn uống, nghệ thuật, văn học, vấn đề môi trường, vấn đề khoa học kỹ thuật tiên tiến, hoà bình và chiến tranh, sinh mệnh con người... đến những vấn đề mang tính toàn cầu.

Đây không phải là những bài tập dùng để luyện tập, đây là những bài đọc có những nội dung phù hợp với trình độ tri thức, gây ra hứng thú và thúc đẩy tính tò mò, mà ngay cả người bản xứ đọc cũng thấy thú vị. Học viên với trình độ của mình có thể trải nghiệm thành công thoả mãn bản thân khi đã “đọc được” hoặc “hiểu được vấn đề”, từ những tích lũy ấy người học tiếp tục tiến lên con đường trung cấp, đó là tâm tư nguyện vọng của chúng tôi.

Để thực hiện ước mơ đó, chúng tôi cho xuất bản “Reading Road- Đọc hiểu về mọi mặt đất nước Nhật Bản”

# もくじ

■はじめに Introduction / 序言 / Lời nói đầu iii

■特徴と使い方 How to Use This Textbook / 特色及使用方法 / Đặc điểm và cách dùng giáo trình vi

## Chapter 1

### 和

<b>Lesson 1</b>	<b>たすきをつなぐ</b> <small>わ</small> <i>Tasuki Relay / “接力带” 连接的驿传精神 / Chạy đua tiếp sức truyền vòng Tatsuki</i>	<b>3</b>
<b>Lesson 2</b>	<b>同じ釜の飯</b> <small>おな かま めし</small> <i>Eating from the Same Pot of Rice / 同吃一锅饭 / Cơm cùng một nồi</i>	<b>9</b>
	もっと読んでみよう① おべんととうと梅ぼし <small>うめ</small>	<b>13</b>
	もっと読んでみよう② あなたは何べん? <small>なに</small>	<b>14</b>
<b>Lesson 3</b>	<b>オバマ イン ヒロシマ</b> <i>Obama in Hiroshima / 奥巴马在广岛 / Obama thăm Hiroshima</i>	<b>17</b>
	<b>安倍首相が真珠湾を訪問</b> <small>あべ しゅじょう しんじゅわん ほうもん</small> <i>Prime Minister Shinzo Abe Visits Pearl Harbor / 安倍首相访问珍珠港 / Thủ tướng Abe đến thăm Trân Châu Cảng</i>	<b>19</b>
	もっと読んでみよう① 日本に落とされた原子爆弾(原爆) <small>げん し ばくだん げんばく</small>	<b>21</b>
	もっと読んでみよう② 禎子さんの話 <small>ただこ</small>	<b>22</b>

## Chapter 2

### 心

<b>Lesson 1</b>	<b>もったいない</b> <small>こころ</small> <i>Mottainai / 浪费 / Mottainai (Phí phạm)</i>	<b>27</b>
<b>Lesson 2</b>	<b>魚のとむらい</b> <small>さかな</small> <i>Funeral of Fish/ 鱼的葬礼 / Đám tang loài cá</i>	<b>33</b>
	<b>大漁</b> <small>たいりゅう</small> <i>A Rich Haul / 渔获大丰收 / Mè cá lớn</i>	<b>34</b>
	<b>雀のかあさん</b> <small>すずめ</small> <i>Mother of a Sparrow / 麻雀的妈妈 / Mẹ chim sẻ</i>	<b>35</b>
	もっと読んでみよう① おさかな	<b>37</b>
	もっと読んでみよう② 金子みすゞのライフヒストリー <small>かねこ</small>	<b>38</b>
<b>Lesson 3</b>	<b>奇跡の一本松</b> <small>きせき いっほんまつ</small> <i>Miracle Lone Pine Tree / 一棵奇迹之松 / Một cây Thông kỳ tích</i>	<b>41</b>
	もっと読んでみよう① 津波てんでんこ <small>つなみ</small>	<b>45</b>
	もっと読んでみよう② 五重塔からスカイツリーへ <small>ごじゅうのとう</small>	<b>46</b>

## Chapter 3

# 美

<b>Lesson 1</b>	<b>今年の漢字</b> Kanji of the Year / 今年的汉字 / Hán tự của năm ことし かんじ	51
<b>Lesson 2</b>	<b>虫の声？ 虫の音？</b> Voice of Insects or Sounds of Insects? / 虫声？ 虫音？ / むし こえ むし おと Tiếng của côn trùng? Âm thanh côn trùng?	57
	もっと読んでみよう① 耳をすませて みみ	61
	もっと読んでみよう② 古典文学と虫たち こてんぶんがく むし	62
<b>Lesson 3</b>	<b>人生は旅</b> Life is a Journey / 人生即旅程 / Cuộc đời là những chuyến đi じんせいたび	65
	もっと読んでみよう① 国際的になった HAIKU こくさいてき	69
	もっと読んでみよう② 芭蕉は忍者だった？ ばしやう にんじや	70

## Chapter 4

# 遊

<b>Lesson 1</b>	<b>マンガから未来が見える</b> When You Read Manga, You See the Future / 从漫画中看到未来 / みらい み Nhìn về tương lai qua Manga	75
<b>Lesson 2</b>	<b>無限に遊ぶ</b> Infinite Plays / 在无限的空间中游戏 / Chiến đấu vô hạn むげん あそ	81
	もっと読んでみよう① 「だめ」は碁盤の上に ごばん	85
	もっと読んでみよう② 人工知能の時代も人間らしく じんこうちのう じだい じんげん	86
<b>Lesson 3</b>	<b>お化けはこわい？</b> Are Ghosts Scary? / 妖怪很恐怖？ / Ma có thực sự đáng sợ? ば	89
	もっと読んでみよう① こわいもの見たさ	93
	もっと読んでみよう② 妖怪を愛した外国人 ~小泉八雲~ ようかい あい がいこくじん こいずみやくも	94

## Chapter 5

# 生

<b>Lesson 1</b>	<b>生涯現役</b> Staying Active at Work for Life / 生涯現役 / Cả đời làm việc しやうがいげんえき	99
<b>Lesson 2</b>	<b>森は生きている ~東京都の大自然~</b> Living Forest: the Great Nature in Tokyo Metropolis / もり い どうようと だいしぜん ~ 活森林 ~ 東京都の大自然 ~ / Rừng vẫn sống ~ Mẹ Thiên Nhiên ở thành phố Tokyo~	105
	もっと読んでみよう① イチヨウの復活 ふっかつ	109
	もっと読んでみよう② 追われる森の人たち お もり ひと	110
<b>Lesson 3</b>	<b>国生み</b> Creations / 列岛诞生 / KUNIUMI (Nguồn gốc khai sinh đất nước) くに う	113
	イザナギ・イザナミ Izanagi and Izanami / 伊邪那岐、伊邪那美 / Izanagi, Izanami	
	もっと読んでみよう① 死者の国から逃げる ししゃ くに に	117
	もっと読んでみよう② 一日に千人死んで、千五百人生まれる いちにち せんにんし せんごひゃくにんう	118

### ■ 巻末付録：本文翻訳(英語・中国語・ベトナム語) 122

Full text translation / 全文翻译 / Bản dịch toàn văn (English・Chinese・Vietnamese)

たしかめよう 解答 Answers / 答案 / Trả lời 143 グラマーノート(和文) 144

SAMPLE

# Lesson 2

## 無限に遊ぶ むげん あそ



オリバー

日本ではチェスはあまり人気がないそうだけど、  
どうしてだろう？

トム

いご？日本のれきしのテレビドラマで、  
さむらいがしている、あのゲーム？

ロラン

しょうぎは、おもしろそう。でも、  
漢字がわからなかったら、むりかな。

将男

だいじょうぶだよ。名人の坂田三吉は、  
字の読み書きができなかったらしいよ。

1 Lesson2

# 無限に遊ぶ

むげん あそ

難しさ 

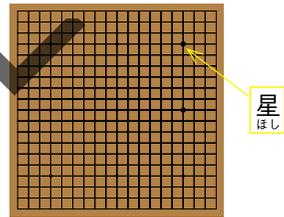
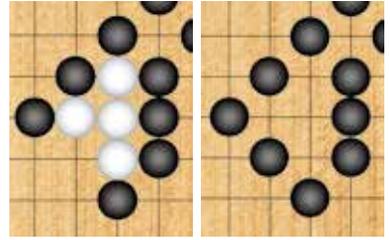
囲碁は、碁盤の19×19の線の上に、二人が順番に、黒い石、白い石を置いて、「地」が多いほうが勝つゲームです。もし、相手の石に囲まれたら、自分の石は取られてしまいます。ルールは簡単ですが、その「手」は数え切れ

5 れません。

囲碁は、四千年前の中国で、占星術から生まれたという説がありますが、碁盤には「星」という点があります。まん中の星が天の中心で、そこから8つの星が広がっています。宇宙をイ

10 メージしてみてください。無限の中で遊ぶ気持ちになるでしょう。

囲碁は、日本では昔、貴族や武士の遊びでしたが、今では、子どもからお年寄りまで、男の人にも女の人にも、だれにでも親しまれています。



写真提供：よみうりカルチャー荻窪

## WORDS

- 無限：infinity / 无限 / vô hạn
- 囲碁：igo / 围棋 / cờ vây
- 碁盤：go board / 棋盘 / bàn cờ
- 順番に：in order / 轮番, 顺次 / trình tự, thứ tự
- 地：territory / 地域 / đất
- 相手：opponent / 对手 / đối thủ
- 囲まれる：to be surrounded / 被包围 / bị bao vây
- 取られる：to lose / 棋子被吃掉 / bị bắt
- ルール：rule / 规则 / quy luật
- 手：play / 招式 / tay
- 数え切れない：countless / 不计其数 / đếm không hết
- 占星術：horoscope / 占星术 / nhà chiêm tinh
- 説：theory / 说法 / thuyết
- 天：the heavens / 天 / trời, thiên nguyên
- 宇宙：the universe / 宇宙 / vũ trụ
- イメージする：to image / 想象 / tưởng tượng, hình dung
- 貴族：nobility / 贵族 / quý tộc
- 武士：samurai / 武士 / võ sĩ
- 親しまれる：to be familiar / 为～所喜爱 / thân thuộc

15 将棋も人気があるゲームで、古代インドで生まれ、日本に伝わったと言わ  
 れています。将棋で使う駒には、漢字が書かれています。駒によって進め方  
 や強さがちがひ、二人のどちらか、先に相手の「王将」を取ったほうが勝ち  
 ます。

囲碁も将棋も、プロ棋士は対局中、相手に話しかけないのがマナーです  
 20 が、石や駒の置き方で、言葉のない会話を続けます。(駒を進めますよ)、(そ  
 れは困ります。止めますよ)。(あなたの地に入りますよ)、(そこには入れま  
 せんよ)。(私の石を一つあげましょう、でも、次はあなたの石をもらいま  
 す)。みんな礼儀正しく、真剣に戦います。それ以上がんばってみても負け  
 るとわかったら、「負けました」とあいさつするのが、美しい終わり方です。

25 以前、77歳の有名な加藤一二三棋士が、14歳の新しいプロ、藤井聡太棋士  
 に負けてしまい、ニュースになりました。  
 77歳の棋士も14歳から63年間対局を続け  
 てきましたが、「勝負の世界では、14歳も  
 77歳も対等です」と相手をたたえました。



加藤一二三 vs. 藤井聡太  
 写真提供：日本将棋連盟

- 将棋：Shogi / 象棋 / cờ Tướng
- 古代インド：Ancient India / 古代印度 / Ấn Độ cổ đại
- 伝わる：to be spread / 流传 / truyền lại
- 言われる：to be said / 据说 / được tương truyền
- 駒：piece / 棋子 / quân cờ
- 書かれる：to be written / (被)书写 / được viết
- ～によって：by ～ / 根据～ / theo
- 進め方：how to advance / 走法 / cách đi
- 強さ：strength / 强度 / sức mạnh
- 王将：king / 王将 / tướng (quân cờ)
- プロ棋士：professional shogi/igo player / 职业棋手 / kì thủ (người chơi cờ chuyên nghiệp)
- 対局中：during a game / 对战 / trong khi thi đấu
- 礼儀正しく：politely / 彬彬有礼 / lịch sự
- 真剣に：seriously / 认真地 / nghiêm túc
- 戦う：to battle / 战斗 / chiến đấu
- 勝負：victory or defeat / 胜负 / thắng bại
- 対等：equal / 对等, 平等 / ngang hàng
- たたえる：to praise / 称赞 / tán dương, khen ngợi

Check!



## たしかめよう

I ( )の中に、○か×かを書きなさい。

- ( ) 囲碁も将棋も外国で生まれ、日本に伝わりました。
- ( ) 囲碁では「地」が多いほうが、将棋では相手の「王将」を先にとったほうが、勝ちます。
- ( ) 囲碁のルールはむずかしくて、「手」は無限にあります。
- ( ) 囲碁も将棋も、プロ棋士はいろいろ話しながら対局をします。
- ( ) 囲碁、将棋では、負けるとわかって、最後までがんばって続けなければなりません。

II 質問に答えなさい。3. は自分の答えを書きなさい。

1. 囲碁の石と将棋の駒は、どちらがいますか。

---

2. 囲碁と将棋は「コミュニケーションのゲーム」だと言われます。それは、どうしてですか。

---

3. お国に、囲碁や将棋のようなゲームがありますか。そのゲームはどのように勝負が決まりますか。

---

---

もっと読んでみよう！①

## 「だめ」は碁盤の上に

日常の日本語には、囲碁用語がとけ込んでいて、日本人の多くは、それとは気づかないで使っています。

碁盤の上では、石で囲んだ「地」を「一目、二目…」と数えるので、

「目」という漢字を使った言葉がいろいろ生まれました。例えば、「駄

目」は「石を置いてもむだな所」という意味で、みなさんが知っている

「だめ」は、囲碁から来ています。「一目置く」は、相手の実力を認めて、

敬意をはらうことを表します。これも、囲碁で

弱いほうが先に石を一つ置いてハンディをつける

ことから始まった言葉です。また、よいか悪

いか、正しいか正しくないか、はっきりさせる

とき、「白黒つける」と言います。これも碁石の

白と黒から来た表現です。



## WORDS

- 日常：daily, everyday / 日常 / thường ngày
- 囲碁用語：igo terms / 囲碁用語 / thuật ngữ cờ vây
- とけ込む：to blend in / 融入, 融合 / thấm vào
- 気づく：to notice / 意识 / để ý
- ～目：-th territory / 第～子 / ~ mục
- 数える：to count / 数 / đếm
- 駄目：no good / 白费, 徒劳 / vô ích
- むだな：fruitless / 浪费 / lãng phí
- 実力：capability / 实力 / thực lực
- 敬意をはらう：to pay respect / 致敬 / bày tỏ lòng kính trọng
- 表す：to represent / 表示 / thể hiện
- ハンディをつける：to handicap / 让步 / chấp (trong thi đấu để hai bên cân sức)
- はっきりさせる：to determine / 弄清楚 / làm cho rõ ràng
- 表現：expression / 表现 / biểu hiện, cách nói

# もっと読んでみよう！②

## 人工知能の時代も人間らしく

2016年に囲碁、2017年には将棋で、コンピュータがプロ棋士に勝ち、世界をおどろかせました。人工知能に、人間の数え切れないほどの対局を記録させた結果です。人が長い時間かけて学ぶ無限の「局面」や「手」を、人工知能はあっという間に学習します。そして、今では、コンピュータが生み出した新しい「手」を、反対に人間の棋士が学ぶということもあるそうです。



佐藤天彦 vs. ロボットの対戦  
写真提供：日本将棋連盟

人間には、人工知能とちがって、感情があります。「平常心」を失うと、ふつうはまちがえない局面でまちがえてしまうこともあります。しかし、人間がまちがえた「手」には、コンピュータも対応できなかったというエピソードもあって、興味深いです。また、積極的な棋士、静かにチャンスを待つ棋士など、相手の性格まで見ながら対局することは、今はまだ、人にしかわからない面白さです。対局中はさまざまな心配ごとを忘れ、「無になる」というのも人にしかないことです。

## WORDS

- 人工知能：artificial intelligence / 人工智能 / trí tuệ nhân tạo
- 人間らしく：humanly / 像人类 / giống con người
- おどろかせる：to surprise / 使惊讶 / làm cho bất ngờ
- 数え切れないほどの：countless / 数不清 / không đếm xuể
- 記録させる：to make record / 使～记录 / ghi chép lại
- 結果：result / 结果 / kết quả
- 局面：situation / 棋局 / đối mặt
- あっという間に：in an instant, in a flash / 转瞬间 / trong chớp lát
- 学習する：to learn / 学习 / học tập
- 生み出す：to bear / 产生, 创造 / sản sinh ra
- 感情：emotions / 感情 / biểu cảm
- 平常心：sense of calm / 平常心 / bình tâm
- 対応できない：unable to deal with / 无法应对 / bình tĩnh
- エピソード：anecdote / 趣事 / giai thoại
- 興味深い：interesting / 有趣 / có ý nghĩa sâu sắc
- 積極的な：aggressive / 积极地 / một cách tích cực
- チャンス：opportunity / 机会 / cơ hội
- 性格：personality / 性格 / tính cách
- 心配ごと：worries / 操心事 / điều lo lắng
- 無になる：to reach the mental state of nothingness / 专注当下 / vô lo, hu không

## 1. V-てしまいます

- ・もし、相手の石に囲まれたら、自分の石は取られてしまいます。(p.82, 1.3)
- ・77歳の有名な棋士が、14歳の新しいプロ棋士に負けてしまいました。(p.83, 1.25 simp.)

Represents a deep remorse or a feeling of regret at something happened against one's will. It also indicates "completion" as in "この本はもう読んでしまいました."

表示遺憾或悔恨等心中的感触。另外也有表示“完了”的用法，如“この本はもう読んでしまいました”。

Diễn tả tâm trạng tiếc nuối, tức tối, khó chịu... Ngoài ra còn thể hiện ý nghĩa đã hoàn thành xong một việc gì như cách nói 「この本はもう読んでしまいました」(Đã đọc xong quyển sách này).

## 2. V-てみます

- ・宇宙をイメージしてみてください。(p.82, 1.11)
- ・それ以上がんばってみても負けるとわかったら、「負けました」とあいさつします。(p.83, 1.23 simp.)

Represents an attempt to perform an action as a trial.

表示试着做点什么。

Diễn tả ý nghĩa thử làm gì.

SAMPLE



# 漢字 ✦ K A N J I ✦

# 石

stone  
石头  
(THẠCH) hòn đá



音 セキ  
訓 いし

# 駒

horse, piece used in,  
various board games  
驹, 用于各种棋盘游戏里的棋子  
(CÂU) con ngựa, quân cờ,  
khung (ô trống)



訓 こま

# 勝負

しょうぶ

win, excel  
赢, 胜过  
(THẮNG, THẮNG)  
thắng, trội hơn

beat, lose  
蛮横的人, 败北  
(PHỤ) chịu đựng, thua



音 ショウ  
訓 か-つ

音 フ、フ  
訓 せ-ける

# 礼

etiquette, rite,  
bow, appreciation  
礼节, 惯例,  
(使) 鞠躬, 感谢  
(LỄ) nghi lễ, nghi thức, cúi đầu,  
trân trọng



\* 礼儀  
れいぎ  
音 レイ

# 無

nothing, without  
无, 缺少  
(VÔ) không, không có



\* 無限  
むげん

音 ム  
訓 な-い